

Số /KH – UBND

Lào Cai, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Thực hiện Đề án 13 Tăng cường quản lý, khai thác có hiệu quả tài nguyên đất, nước, khoáng sản và bảo vệ môi trường gắn với phát triển bền vững giai đoạn 2026-2030

Căn cứ Nghị quyết số 28-NQ/ĐH ngày 30/9/2025 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030;

Căn cứ Chương trình hành động số 13-CTr/TU ngày 31/10/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ nhất, nhiệm kỳ 2025-2030;

Căn cứ Đề án số 13 Tăng cường quản lý, khai thác có hiệu quả tài nguyên đất, nước, khoáng sản và bảo vệ môi trường gắn với phát triển bền vững giai đoạn 2026-2030 ban hành kèm theo Nghị quyết số 35-NQ/TU ngày 29/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai về ban hành 17 đề án trọng tâm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 49-KH/ĐU ngày 27/02/2026 của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về thực hiện Đề án 13 Tăng cường quản lý, khai thác có hiệu quả tài nguyên đất, nước, khoáng sản và bảo vệ môi trường gắn với phát triển bền vững giai đoạn 2026-2030;

Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án 13 Tăng cường quản lý, khai thác có hiệu quả tài nguyên đất, nước, khoáng sản và bảo vệ môi trường gắn với phát triển bền vững giai đoạn 2026-2030, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa các nội dung để triển khai thực hiện Đề án số 13 Tăng cường quản lý, khai thác có hiệu quả tài nguyên đất, nước, khoáng sản và bảo vệ môi trường gắn với phát triển bền vững giai đoạn 2026 - 2030.

- Quản lý chặt chẽ, đồng bộ; khai thác, sử dụng tiết kiệm, khoa học và có hiệu quả tài nguyên đất, nước, khoáng sản, môi trường; khai thác tối đa giá trị của quỹ đất công và tài sản công, chuyển đổi thành nguồn lực cho sự phát triển bền vững, đồng thời sắp xếp, xử lý có hiệu quả tài sản công khi triển khai chính quyền địa phương hai cấp; đẩy mạnh phát triển sử dụng năng lượng tái tạo, năng lượng sinh học, năng lượng mới tạo nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội gắn với phát triển bền vững theo hướng kinh tế tuần hoàn phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội bền vững trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

- Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) các xã, phường, cơ quan, đơn vị có liên quan chủ động triển khai tổ chức thực hiện nhiệm vụ tại Kế hoạch này đảm bảo quá trình thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề

án khoa học, đồng bộ, hiệu quả; thực hiện nghiêm túc việc đôn đốc, kiểm tra, giám sát, báo cáo, đánh giá tiến độ đối với việc thực hiện các nhiệm vụ của Đề án.

- Đến năm 2030 hoàn thành cơ sở dữ liệu đất, nước, khoáng sản và môi trường đảm bảo mục tiêu chuyển đổi số tại Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.

- Ngăn chặn, kiểm soát và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm về đất, nước, khoáng sản, môi trường; khắc phục tình trạng ô nhiễm, suy giảm, suy thoái tài nguyên.

II. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2030

1. Tài nguyên đất đai

- Hoàn thành lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp; điều tra, đánh giá đất đai cấp tỉnh; kiểm kê đất đai cấp tỉnh và cấp xã.

- 100% các xã, phường hoàn thành công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính.

- 100% thửa đất phải thực hiện đăng ký đất đai lần đầu.

- Hoàn thành xây dựng và đồng bộ hoá cơ sở dữ liệu về đất đai.

- Hoàn thiện cơ sở dữ liệu về đất công và tài sản công.

- Thu ngân sách từ sử dụng đất giai đoạn 2026-2030 đạt trung bình từ 10.000 tỷ đồng/năm trở lên.

2. Tài nguyên nước

- 100% công trình khai thác tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh thuộc đối tượng phải quan trắc, giám sát tự động, trực tuyến được quan trắc, giám sát theo quy định.

- 50% các nguồn nước phải cắm mốc bảo vệ hành lang nguồn nước được cắm mốc bảo vệ hành lang nguồn nước.

- Hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên nước toàn tỉnh.

- Thu ngân sách từ tài nguyên nước giai đoạn 2026-2030 đạt trung bình từ 2.000 tỷ đồng/năm trở lên.

3. Tài nguyên khoáng sản

- Thực hiện thăm dò, cấp phép khai thác gắn với các dự án chế biến sâu tạo ra sản phẩm cuối cùng; áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ nhằm nâng hiệu quả khai thác, sử dụng tiết kiệm khoáng sản, bảo vệ môi trường.

- Quản lý chặt chẽ các loại khoáng sản quan trọng có giá trị kinh tế cao, xây dựng danh mục dự án quan trọng, dự án ưu tiên đầu tư để thăm dò, khai thác: Đất hiếm, Apatit, đồng, sắt, graphit,... kết hợp việc thu hồi khoáng sản đi kèm nhằm khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản hiệu quả, tiết kiệm; tăng cường tái chế, tái sử dụng chất thải trong khai thác, chế biến khoáng sản để khai thác giá trị tài nguyên, giảm thiểu phát thải khí nhà kính, bảo vệ môi trường.

- Kiểm soát chặt chẽ sản lượng khoáng sản khai thác thực tế, đến năm 2030 cơ bản các doanh nghiệp khai thác khoáng sản đầu tư, lắp đặt và vận hành hệ thống thông tin, dữ liệu về hoạt động khoáng sản và kết nối với hệ thống thông tin, dữ liệu về hoạt động khoáng sản của cơ quan nhà nước.

- Đảm bảo nhu cầu nguồn cung vật liệu xây dựng thông thường phục vụ cho các dự án đầu tư công, công trình trọng điểm và nhu cầu dân sinh.

- Thu ngân sách từ tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2026-2030 đạt trung bình từ 3.250 tỷ đồng/năm trở lên.

4. Bảo vệ môi trường

- Hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu về môi trường; 95% chất thải nguy hại được thu gom, xử lý; 100% chất thải y tế được thu gom, xử lý; 90% chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn; 100% các khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường; 98% các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường; tỷ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông đạt khoảng 25%; năm 2030 dưới 10% chất thải rắn sinh hoạt đô thị được xử lý bằng công nghệ chôn lấp trực tiếp trên tổng lượng chất thải được thu gom.

- Lồng ghép chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường để nâng cao năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu. Tăng cường đầu tư trang thiết bị trong dự báo, cảnh báo thiên tai đáp ứng yêu cầu trong việc tính toán dự báo, cảnh báo, mưa lũ, lũ ống, lũ quét, sạt lở đất cho cả vùng hoặc các khu vực lân cận. Đánh giá, phân vùng rủi ro thiên tai, lập bản đồ cảnh báo thiên tai, cảnh báo áp thấp nhiệt đới, bão lũ, ngập lụt, các hiện tượng thời tiết cực đoan như nắng nóng, hạn hán, rét đậm, rét hại... làm cơ sở thành lập bản đồ phân vùng cảnh báo thiên tai tỉnh Lào Cai.

(Chi tiết tại phụ biểu 01 kèm theo)

III. NHIỆM VỤ CỤ THỂ GIAI ĐOẠN 2026-2030

1. Tài nguyên đất đai

- Lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; định hướng về quản lý tài nguyên đất đai gắn với bảo vệ môi trường đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững lâu dài. Đảm bảo phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất hợp lý để khai thác tối đa tiềm năng đất đai cho từng địa phương, từng giai đoạn phát triển, đồng thời đảm bảo thống nhất, đồng bộ giữa các quy hoạch chuyên ngành. Đảm bảo hết năm 2026 hoàn thành lập quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất các cấp.

- Khai thác, sử dụng có hiệu quả các quỹ đất công, các quỹ đất để thực hiện dự án phát triển đô thị, thương mại dịch vụ, trung tâm logistics, hình thành các vùng sản xuất, chế biến nông lâm nghiệp ứng dụng khoa học công nghệ tạo chuyển biến tích cực trong quản lý, khai thác hợp lý nguồn tài nguyên đất đai góp phần phát triển kinh tế xã hội.

- Rà soát, phân loại, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản công để khai thác, thu hút đầu tư theo đúng quy định pháp luật; hoàn thiện phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp, xử lý tài sản công đảm bảo không gây thất thoát, lãng phí tài sản nhà nước.

- Hoàn thiện công tác đo đạc bản đồ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia về đất công và tài sản công, về đất có nguồn gốc từ nông, lâm trường quốc doanh; điều tra, đánh giá đất đai cấp tỉnh; kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất các cấp. Hết năm 2026, hoàn thành đo đạc, lập bản đồ địa chính đối với 27 xã chưa được đo đạc bản đồ địa chính; đo đạc diện tích đất các công ty nông lâm nghiệp, ban quản lý rừng phòng hộ trả về địa phương, lập, phê duyệt phương án sử dụng đất. Năm 2027, hoàn thành đo đạc lại đối với diện tích đất lâm nghiệp của các hộ gia đình, cá nhân, đo đạc bản đồ địa chính diện tích các công ty nông, lâm nghiệp, các ban quản lý rừng trả về địa phương quản lý, lập phê duyệt phương án sử dụng đất, đo đạc chỉnh lý, bổ sung bản đồ địa chính theo dự án Tổng thể đối với các khu vực có biến động lớn gắn với xây dựng, cập nhật, hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai. Hết năm 2028, 100% các

thửa đất được kê khai đăng ký đất đai lần đầu; cơ bản cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Lào Cai đảm bảo "*đúng, đủ, sạch, sống*" và được tích hợp vào cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai trên môi trường số; đồng thời hoàn thành việc lập bản đồ địa hình quốc gia trên đất liền thuộc phạm vi hành chính tỉnh Lào Cai. Năm 2029 hoàn thành kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất các cấp phục vụ công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đảm bảo việc sử dụng đất đai đúng quy định của pháp luật, tiết kiệm, hiệu quả là nguồn lực quan trọng và động lực cho phát triển đất nước.

2. Tài nguyên nước

- Đánh giá tình hình ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt, nguồn nước mặt, nước dưới đất; phân loại nguồn nước theo mức độ ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt; Thực hiện điều tra, đánh giá, xác định và công bố dòng chảy tối thiểu, khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ và lập bản đồ phân vùng tiếp nhận nước thải của nguồn nước trên các sông liên tỉnh, liên quốc gia của các sông nội tỉnh còn lại.

- Thực hiện việc điều tra, đánh giá tổng hợp tài nguyên nước dưới đất tỷ lệ 1:50.000 đến 1:25.000 đối với nguồn nước nội tỉnh ở những vùng, khu vực nước dưới đất có tiềm năng lớn, là đối tượng khai thác chủ yếu để cấp nước cho sinh hoạt, các nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội, các đô thị, khu dân cư tập trung (*nếu có*);

- Kiểm kê tài nguyên nước cấp tỉnh giai đoạn đến năm 2030; Lập kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước phù hợp với kịch bản nguồn nước; Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất; công bố vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất.

- Tổ chức điều tra cơ bản, lập hành lang, cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với sông Hồng, sông Chảy chảy qua địa phận tỉnh; Khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, phòng chống suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước; bảo đảm 100% hồ chứa lớn được kiểm soát, giám sát để duy trì dòng chảy tối thiểu của các lưu vực sông, suối trên địa bàn tỉnh cung cấp nước sinh hoạt, sản xuất, điều tiết lũ cho các vùng hạ lưu, 100% công trình khai thác tài nguyên nước phát sinh mới trên địa bàn tỉnh thuộc đối tượng phải quan trắc, giám sát tự động, trực tuyến được quan trắc, giám sát theo quy định; 100% lưu vực sông, suối lớn trên địa bàn tỉnh có hệ thống quan trắc, giám sát tự động, trực tuyến.

- Tăng cường năng lực hạ tầng cung cấp nước sạch cho khu dân cư, đặc biệt là những vùng chịu tác động của bão, lũ, hạn hán. Bảo vệ, duy trì, nâng cấp các hồ trong đô thị, khu dân cư chống ngập đô thị, tạo cảnh quan sinh thái..., như hồ Yên Hòa, hồ km5, hồ Công viên Nhạc Sơn...; Tiếp tục đầu tư nâng cấp, sửa chữa, bảo đảm an toàn các hồ chứa nước, kè chống sạt lở bờ sông suối (*sông Hồng, sông Chảy, suối Ngòi Bo, suối Nung, suối Thìa...*), phân đầu 100% các khu vực ngầm tràn được giám sát và cảnh báo độ sâu mực nước ngập.

3. Tài nguyên khoáng sản

- Thực hiện xác định, quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản lần đầu theo Luật Địa chất và khoáng sản 2024 và Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ.

- Rà soát và tổ chức triển khai thực hiện đấu giá các khu vực mỏ khoáng sản trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền của tỉnh, hạn chế cấp phép khoáng sản không thông qua đấu giá.

- Thực hiện rà soát, khoanh định khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn phê duyệt theo quy định.
- Khoanh định, phê duyệt, điều chỉnh khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Thực hiện điều tra cơ bản địa chất trên địa bàn tỉnh; đánh giá tiềm năng khoáng sản đối với khoáng sản nhóm III, nhóm IV.
- Ban hành Quyết định việc hạn chế hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh; Quyết định danh mục các khu vực thăm dò khoáng sản trên địa bàn tỉnh.
- Vận hành hệ thống thông tin, dữ liệu về hoạt động khoáng sản và kết nối với hệ thống thông tin, dữ liệu về hoạt động khoáng sản.
- Cấp phép hoạt động khoáng sản, đặc biệt những nhóm loại khoáng sản quan trọng như đồng, apatit, sắt, graphit, đá vôi trắng... phải gắn với dự án chế biến sâu khoáng sản, ưu tiên các dự án chế biến tạo ra sản phẩm cuối cùng.
- Rà soát nguồn nguyên liệu và thực hiện việc cấp phép khai thác khoáng sản nhóm IV và khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường đáp ứng việc thực hiện dự án đầu tư trọng điểm trên địa bàn tỉnh như: Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng; dự án xây dựng mở rộng đoạn Yên Bái - Lào Cai thuộc tuyến đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai...
- Thực hiện xác định, quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản lần đầu theo Luật Địa chất và khoáng sản 2024 và Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ.

4. Bảo vệ môi trường

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí, kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt cấp tỉnh. Thiết lập mạng lưới quan trắc và cảnh báo môi trường cấp tỉnh thống nhất, đồng bộ với mạng lưới quan trắc và cảnh báo môi trường cấp quốc gia; triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu về môi trường cấp tỉnh đồng bộ với cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia.
- Đầu tư, nâng cấp năng lực quan trắc, theo dõi diễn biến chất lượng môi trường bằng hệ thống quan trắc không khí xung quanh tại khu công nghiệp, đô thị trung tâm (*đầu tư bổ sung 02 hệ thống quan trắc tự động, liên tục không khí tại khu đô thị trung tâm của tỉnh*) và hệ thống quan trắc nước mặt xuyên biên giới, chủ động phòng ngừa, ứng phó sự cố ô nhiễm môi trường, sự cố chất thải; đầu tư nâng cấp phòng thí nghiệm, phân tích môi trường (*Mở rộng phân tích các chỉ tiêu hữu cơ trên máy sắc ký khí khối phổ GC-MS*) và hệ thống quản lý số liệu, dữ liệu quan trắc.
- Rà soát, xem xét đầu tư mới, nâng cấp, cải tạo hệ thống xử lý nước thải cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh chưa có hệ thống xử lý nước thải y tế hoặc đã quá tải, xuống cấp để đảm bảo việc xử lý nước thải y tế đạt Quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải. Tăng cường kiểm tra, giám sát công tác thu gom, xử lý chất thải y tế tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh.
- Đẩy mạnh quản lý chất thải nguy hại ở các doanh nghiệp, khu, cụm công nghiệp, quản lý chặt từ chủ nguồn thải đến đơn vị thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý... Nghiên cứu xây dựng và phát triển các cơ sở xử lý chất thải nguy hại theo hướng tập trung, quy mô lớn với công nghệ hiện đại. Tập trung tháo gỡ khó

khẩn, đẩy nhanh tiến độ hoàn thành Nhà máy xử lý chất thải công nghiệp và nguy hại tại xã Tăng Loong đi vào hoạt động trong năm 2026.

- Đầu tư xây dựng khoảng 24 cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt với công nghệ tiên tiến nhằm xử lý rác thải, chất thải kết hợp thu hồi năng lượng; hạn chế chôn lấp trực tiếp rác thải; đóng cửa khoảng 55 bãi chôn lấp chất thải không hợp vệ sinh trên địa bàn tỉnh. Đầu tư, bổ sung trang thiết bị thu gom, phân loại, xử lý và hệ thống trạm trung chuyển, vận chuyển chất thải; mở rộng mạng lưới dịch vụ thu gom chất thải rắn sinh hoạt, đặc biệt ở khu vực nông thôn.

- Đầu tư hoàn thiện hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung tại các khu đô thị, khu, cụm công nghiệp đáp ứng yêu cầu quản lý, giai đoạn 2026-2030 dự kiến đầu tư đồng bộ hệ thống xử lý nước thải tập trung tại khu vực phường Yên Bái và 10 khu công nghiệp toàn tỉnh (*ưu tiên đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung tại 03 khu công nghiệp đang hoạt động gồm: phía Nam, Áu Lâu và Minh Quân*). Triển khai áp dụng các mô hình xử lý nước thải phi tập trung đối với những khu vực chưa có điều kiện thu gom. Khuyến khích các cơ sở sản xuất tái sử dụng nước thải sau xử lý, bùn thải.

- Triển khai thực hiện Đề án chuyển đổi khu công nghiệp Tăng Loong sang mô hình khu công nghiệp sinh thái; hoàn thiện thủ tục đăng ký công nhận khu công nghiệp sinh thái đối với khu công nghiệp Tăng Loong theo quy định: Hoàn thiện thực hiện di dời toàn bộ các hộ dân đang sinh sống xen kẽ trong phạm vi quy hoạch khu công nghiệp Tăng Loong. Đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người dân khi di dời, ổn định đời sống sau tái định cư. Giai đoạn 2025 - 2030 thực hiện sắp xếp, di chuyển ổn định dân cư cho 400 hộ (*355 hộ có đất ở và 45 hộ có đất sản xuất*) nằm trong phạm vi, ranh giới quy hoạch khu công nghiệp Tăng Loong; Đầu tư hoàn thiện hạ tầng đường giao thông trong khu công nghiệp Tăng Loong; Hoàn thiện hạ tầng thu gom nước thải và thực hiện hạ tầng phân tách nước thải, nước mặt trong phạm vi khu công nghiệp Tăng Loong; Triển khai hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện các giải pháp sản xuất sạch hơn và sử dụng hiệu quả tài nguyên nhằm mục tiêu hướng tới sản xuất, kinh doanh tuần hoàn theo khuôn khổ Đề án được phê duyệt.

- Kiểm soát và ngăn ngừa ô nhiễm môi trường từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thông qua việc phân loại nguy cơ và quản lý bằng giấy phép môi trường, đánh giá tác động môi trường và quy chuẩn kỹ thuật. Ưu tiên sàng lọc dự án đầu tư, khuyến khích áp dụng công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường (*như công nghệ xử lý, thu hồi năng lượng*), đồng thời ngăn chặn triệt để công nghệ cũ, lạc hậu gây ô nhiễm môi trường. Thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp tái chế hiện đại, không hình thành các cơ sở, làng nghề tái chế thủ công nhỏ lẻ trên địa bàn tỉnh. Tăng cường vệ sinh môi trường nông thôn, xây dựng và thực hiện nếp sống văn minh, xoá bỏ hủ tục, khuyến khích thực hiện hoả táng trong Nhân dân.

- Tăng cường kiểm soát các cơ sở có nguồn khí thải lớn thông qua việc kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở theo quy định tại Nghị định số 06/2022/NĐ-CP của Chính phủ về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, nhằm thực hiện các cam kết quốc tế của Việt Nam về biến đổi khí hậu. Tăng cường các giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản.

- Tổ chức đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do thiên tai, BĐKH; cập nhật kịch bản BĐKH tỉnh theo Kịch bản BĐKH Quốc gia, Kế hoạch đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) làm cơ sở nâng cao năng lực thích ứng cho các cấp, ngành, địa phương và cộng đồng dân cư.

- Điều tra, đánh giá phân vùng rủi ro thiên tai, lập bản đồ cảnh báo thiên tai, áp thấp nhiệt đới, bão lũ, ngập lụt, các hiện tượng thời tiết cực đoan trên địa bàn toàn tỉnh. Đầu tư, nâng cấp các trạm quan trắc khí tượng thủy văn, đặc biệt là các trạm tự động, nhằm thu thập dữ liệu đầy đủ, liên tục và theo thời gian thực.

- Từng bước làm chủ công nghệ trong dự báo thiên tai, tác động của BĐKH đến hệ thống tự nhiên và xã hội. Đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên nước, khí tượng thủy văn, BĐKH tích hợp trong nền tảng hệ thống cơ sở dữ liệu chung của tỉnh, đồng thời kết nối chia sẻ nguồn dữ liệu với hệ thống cảnh báo thiên tai và Trung tâm điều hành thông minh tỉnh Lào Cai.

IV. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức

- Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động của toàn xã hội về khai thác sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên đất đai, khoáng sản, nước phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ, cải thiện chất lượng môi trường hướng đến mục tiêu phát triển bền vững và trung hoà carbon; khuyến khích người dân có thói quen tiêu dùng thân thiện với môi trường; tổ chức phổ biến kinh nghiệm, xây dựng năng lực, kỹ năng phòng tránh thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu cho mọi người dân, doanh nghiệp và toàn xã hội.

- Chú trọng vai trò phản biện, giám sát của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng dân cư trong quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên đất, nước, khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường. Tạo dư luận xã hội lên án, xử lý nghiêm các hành vi sử dụng lãng phí tài nguyên, gây ô nhiễm môi trường.

2. Quy hoạch và quản lý quy hoạch

- Lập các quy hoạch sử dụng đất, tài nguyên nước, khoáng sản; định hướng về quản lý tài nguyên đất, nước, khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường trong chính sách, chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội các cấp, các ngành, đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững lâu dài.

- Nâng cao chất lượng công tác lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để đáp ứng được tốc độ phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, nâng cao khả năng dự báo và tính khả thi của phương án quy hoạch sử dụng đất. Quản lý chặt chẽ việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Kịp thời kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn việc tự ý chuyển mục đích sử dụng đất khi chưa được cấp có thẩm quyền cho phép, báo cáo cơ quan cấp trên trong trường hợp vượt thẩm quyền.

- Xây dựng Phương án quản lý về địa chất, khoáng sản là hợp phần trong phương án bảo vệ môi trường, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên, đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh và tích hợp vào Quy hoạch tỉnh theo quy định. Đẩy mạnh khai thác, chế biến khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường sinh thái theo mô hình chế biến sâu; thực hiện nghiêm túc các quy định về cải tạo phục hồi môi trường sau khai thác khoáng sản.

- Đẩy mạnh việc lồng ghép các định hướng về quản lý tài nguyên đất, nước, khoáng sản và bảo vệ môi trường trong chính sách, chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội các cấp, các ngành, đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững.

3. Cơ chế, chính sách

- Triển khai đầy đủ, toàn diện Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Luật Tài nguyên nước năm 2023, Luật Đất đai năm 2024; Luật Địa chất và Khoáng sản năm 2024... Rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp lý, các cơ chế, chính sách hỗ trợ công tác quản lý, khai thác tài nguyên gắn với bảo vệ môi trường đảm bảo đúng theo quy định hiện hành và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

- Chú trọng đề xuất các chính sách thu hút đầu tư hợp lý trong khai thác, chế biến khoáng sản; chính sách hỗ trợ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải, đặc biệt là chất thải rắn sinh hoạt; chính sách thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp môi trường; chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực bảo vệ môi trường...; đẩy mạnh việc áp dụng các công cụ kinh tế, tiếp cận thị trường để nâng cao hiệu quả công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, trong đó dự kiến 10% kinh phí thu tiền sử dụng đất cho công tác đo đạc, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; cơ chế chính sách tạo nguồn thu ổn định từ các nguồn tài nguyên quy định tỷ lệ trích lại cho công tác phục hồi môi trường và 1% tổng chi ngân sách trên địa bàn tỉnh cho nguồn sự nghiệp môi trường đối với các dự án thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường.

4. Nguồn nhân lực

- Tiếp tục kiện toàn, củng cố bộ máy, cán bộ thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu theo hướng hiệu lực, hiệu quả, hiệu năng.

- Tổ chức đào tạo và bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức, viên chức trong quản lý tài nguyên đất đai, khoáng sản, nước, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu, đặc biệt tập huấn hỗ trợ chuyên môn sâu cho cấp xã sau hợp nhất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, siết chặt kỷ cương, kỷ luật trong thực hiện chế độ công vụ, công chức; rà soát, đơn giản hóa, rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục hành chính, nhất là khâu luân chuyển hồ sơ giữa các cơ quan, đơn vị; không phát sinh thêm hồ sơ, các loại giấy tờ không đúng quy định, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai, khoáng sản, nước, môi trường. Rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính về đất đai từ 10% đến 20% tổng thời gian thực hiện để nâng cao chỉ số tiếp cận đất đai. Xây dựng và thực hiện Kế hoạch nâng cao Chỉ số cải cách hành chính; Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước; Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh. Xây dựng quy trình, thủ tục đấu giá, đấu thầu đất công, tài sản công đảm bảo minh bạch, công khai, đồng thời xem xét có cơ chế ưu đãi cho các nhà đầu tư tham gia vào các dự án trọng điểm trên đất công.

5. Khoa học, công nghệ và chuyển đổi số

- Đẩy mạnh các chương trình ứng dụng công nghệ hiện đại vào khảo sát, đánh giá trữ lượng và chất lượng tài nguyên đất, nước, khoáng sản, chú trọng vận dụng các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ

Chính trị. Khuyến khích các tổ chức/cá nhân ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào các mô hình kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi năng lượng gắn với các ngành, lĩnh vực, địa phương; khai thác và chế biến sâu các loại tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh (*apatit, đồng, sắt, chì, kẽm...*); đầu tư đổi mới công nghệ trong lĩnh vực tiết kiệm nước, xử lý chất thải và phục hồi đất sau khai thác.

- Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà nước về đất đai, khoáng sản, nước, môi trường, đặc biệt hoàn thiện xây dựng cơ sở dữ liệu cấp tỉnh đồng bộ, kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia phục vụ nhu cầu tra cứu thông tin của người dân và doanh nghiệp. Ứng dụng công nghệ viễn thám và các công nghệ hiện đại, tự động hoá trong quản lý, giám sát tài nguyên đất đai, khoáng sản, tài nguyên nước, môi trường và dự báo thiên tai. Triển khai các giải pháp chuyển đổi số sâu, rộng góp phần thúc đẩy chuyển đổi xanh.

- Hoàn thành hệ thống cơ sở dữ liệu về đất đai, khoáng sản, nước, môi trường đồng bộ với hệ thống cơ sở dữ liệu Quốc gia. Tăng cường năng lực dự báo và cảnh báo sớm thiên tai; nâng cấp cơ sở hạ tầng đảm bảo an toàn cho hoạt động quản lý tài nguyên (*đặc biệt là tài nguyên nước, hệ thống công trình thuỷ lợi, hồ, đập, đê sông*) trong bối cảnh biến đổi khí hậu.

6. Huy động nguồn lực và nâng cao hiệu quả quản lý đầu tư

Huy động nguồn lực đầu tư để giải quyết hiệu quả các vấn đề trong quản lý, khai thác đất, nước, khoáng sản, bảo vệ môi trường gắn với phát triển bền vững, đặc biệt là:

6.1. *Đo đạc bản đồ địa chính* kê khai đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai; rà soát ranh giới, cắm mốc đo đạc bản đồ, lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất diện tích đất rừng do các tổ chức, cộng đồng dân cư quản lý, sử dụng, lập, thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất, kê khai đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận; xây dựng hoàn thiện cơ sở dữ liệu quản lý đất.

6.2. *Điều tra, quan trắc, giám sát tài nguyên nước*; cải tạo, phục hồi các nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái (*nếu có*); Ưu tiên bố trí vốn xây dựng và duy trì công trình cấp nước tập trung cho các vùng khó khăn, vùng khan hiếm nước.

Tăng cường năng lực hạ tầng cung cấp nước sạch cho khu dân cư, đặc biệt là những vùng chịu tác động của bão, lũ, hạn hán. Bảo vệ, duy trì, nâng cấp các hồ trong đô thị, khu dân cư chống ngập đô thị, tạo cảnh quan sinh thái..., như hồ Yên Hòa, hồ Km5, hồ Công viên Nhạc Sơn...; Tiếp tục đầu tư nâng cấp, sửa chữa, bảo đảm an toàn các hồ chứa nước, kè chống sạt lở bờ sông suối (*sông Hồng, sông Cháy, suối Ngòi Bo, suối Nung, suối Thia...*); Phân đấu 100% các khu vực ngầm tràn được giám sát và cảnh báo độ sâu mực nước ngập.

6.3. *Thực hiện điều tra cơ bản địa chất* trên địa bàn tỉnh và thực hiện đánh giá tiềm năng khoáng sản đối với khoáng sản nhóm III, nhóm IV; Xây dựng hệ thống thông tin dữ liệu kết nối với các đơn vị được cấp phép hoạt động khoáng sản để kiểm soát chặt chẽ, hiệu quả sản lượng khai thác.

6.4. *Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật* về phân loại, thu gom, vận chuyển, tái chế và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; phát triển ngành công nghiệp tái chế (*ưu tiên đối với công nghệ phát điện sinh khối, đồng xử lý chất thải ...*), hạn chế chôn lấp;

giảm thiểu rác thải nhựa. Đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung tại các khu đô thị, khu, cụm công nghiệp, làng nghề.

6.5. *Đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng* ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai; đầu tư, nâng cấp các trạm quan trắc khí tượng thủy văn, đặc biệt là các trạm quan trắc tự động. Xây dựng hệ thống thông tin cảnh báo thiên tai phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện phương thức ứng phó theo cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh.

6.6. *Kết hợp nguồn lực từ ngân sách nhà nước* với đa dạng hoá các nguồn lực đầu tư trong nước và nước ngoài, đặc biệt là nguồn vốn ưu đãi cho công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. Mời gọi, thu hút các nhà đầu tư thực hiện đầu tư vào tỉnh theo quy hoạch đã được phê duyệt. Thực hiện thủ tục đầu tư và công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với các khu đất có lợi thế về vị trí để thu hút nhà đầu tư theo hình thức đấu giá, đấu thầu dự án đẩy nhanh tiến độ bàn giao mặt bằng cho nhà đầu tư. Đẩy mạnh thu hút đầu tư theo hình thức xã hội hóa, đặc biệt trong lĩnh vực xử lý chất thải rắn và rác thải sinh hoạt. Ưu tiên được dành cho các dự án ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường, nhằm nâng cao hiệu quả xử lý và giảm thiểu tác động tiêu cực đến cộng đồng. Tăng cường hợp tác công tư, tạo dựng môi trường đầu tư thông thoáng, minh bạch, qua đó thu hút hiệu quả hơn các nhà đầu tư trong và ngoài nước tham gia vào lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

7. Thanh tra, kiểm tra, giám sát về đất đai, nước, khoáng sản và bảo vệ môi trường

- Tăng cường hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực thi chính sách, pháp luật, phòng, chống tội phạm, xử lý nghiêm khắc các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý tài nguyên đất đai, khoáng sản, nước và bảo vệ môi trường; sớm nắm tình hình, chủ động phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm ngay khi phát sinh, không để tồn đọng kéo dài; kiểm tra chuyên đề về công tác quản lý đất đai về quản lý đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích, đất sử dụng đa mục đích...; Kiên quyết đình chỉ, thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản, thu hồi chủ trương đầu tư đối với những dự án chậm tiến độ, vi phạm các quy định về đầu tư, quản lý, sử dụng đất đai, gây ô nhiễm môi trường... chú trọng công tác hậu kiểm trong hoạt động khai thác khoáng sản, môi trường, sử dụng nước và đất, yêu cầu khắc phục triệt để các tồn tại trong kết luận thanh tra, kiểm tra.

- Tăng cường công tác đối thoại, tiếp công dân, giải quyết kịp thời các vụ việc tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, các kiến nghị phản ánh trong quản lý, sử dụng đất đai, khoáng sản, nước, môi trường ngay từ cơ sở, không để xảy ra điểm nóng, tập trung giải quyết ngay các vụ việc tồn đọng, kéo dài, gây bức xúc trong Nhân dân. Xử lý trách nhiệm đối với người đứng đầu các cấp, các ngành liên quan trong công tác quản lý nhà nước để xảy ra vi phạm mà không được xử lý kịp thời.

8. Phối hợp liên ngành, liên vùng và hợp tác quốc tế

- Thiết lập cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ban, ngành, địa phương trong quản lý, kiểm soát hoạt động khai thác tài nguyên. Thống nhất trong công tác chỉ đạo, điều hành, phân cấp, phân quyền bảo đảm tính tổng thể, đồng bộ, thống nhất trong hệ thống chính trị theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Nâng cao vai trò, hiệu quả công tác phản biện của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức

chính trị - xã hội và cộng đồng dân cư về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Đẩy mạnh hợp tác khu vực và quốc tế trong việc tiếp nhận, chuyển giao công nghệ mới về phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm, xử lý chất thải. Phối hợp giải quyết những vấn đề liên quan đến môi trường; xây dựng cơ chế hợp tác với tỉnh Vân Nam - Trung Quốc và các tỉnh lân cận (*Tuyên Quang, Phú Thọ, Lai Châu, Sơn La*) để giải quyết vấn đề ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường xuyên biên giới và liên vùng. Thúc đẩy hợp tác với các tổ chức quốc tế để tiếp cận công nghệ mới và huy động nguồn lực cho giảm phát thải khí nhà kính, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường.

V. NHU CẦU VỐN ĐẦU TƯ

1. Tổng nhu cầu vốn thực hiện Đề án: 5.776,0 tỷ đồng.

2. Cơ cấu nguồn kinh phí thực hiện Đề án:

2.1. Vốn ngân sách nhà nước đầu tư các công trình dự án thuộc lĩnh vực đất đai, nước, khoáng sản, môi trường, phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu. Trong đó:

- Nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu: 1.082,4 tỷ đồng.
- Nguồn ngân sách địa phương: 2.731,0 tỷ đồng.
- Nguồn ngân sách sự nghiệp địa phương: 320,5 tỷ đồng.

2.2. Vốn đầu tư của các doanh nghiệp đối với các dự án thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường: 1.642,2 tỷ đồng.

(Chi tiết tại phụ biểu 02, 03 kèm theo)

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường: Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch. Hàng năm, chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án 13. Kiểm tra, đánh giá, đề xuất những giải pháp tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện; tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

2. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan tổng hợp nhu cầu vốn; cân đối, bố trí vốn ngân sách nhà nước và huy động lồng ghép từ các nguồn vốn hợp pháp để tổ chức triển khai thực hiện các nội dung, đề án bảo đảm mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về đất công và tài sản công; xây dựng quy trình, thủ tục đấu giá, đấu thầu đất công, tài sản công đảm bảo minh bạch, công khai, đồng thời xem xét có cơ chế ưu đãi cho các nhà đầu tư tham gia vào các dự án trọng điểm trên đất công.

3. Sở Công Thương

- Chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã trong quản lý, giám sát việc vận hành, đảm bảo an toàn đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định của pháp luật, cung cấp các thông tin về quy hoạch chuyên ngành, phối hợp trong việc xem xét hồ sơ đề nghị khai thác nước mặt của các công trình đập, hồ chứa thủy điện và việc vận hành, khai thác sử dụng nước của các công trình thủy điện đảm bảo việc phát triển thủy điện bền vững, đảm bảo hài hòa, chia sẻ nguồn nước trên địa bàn tỉnh.

- Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật, công nghệ, an toàn vệ sinh lao động trong khai thác mỏ và chế biến khoáng sản trên địa bàn tỉnh; Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan để thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng và các bước thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của các dự án khai thác, chế biến khoáng sản trên địa bàn tỉnh (*trừ vật liệu xây dựng thông thường và sản xuất xi măng*) theo quy định của pháp luật về xây dựng;

- Phối hợp tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh khoáng sản trên địa bàn; tổ chức thanh tra, kiểm tra tình hình thực hiện sản xuất, kinh doanh khoáng sản; các điểm khai thác, vận chuyển, chế biến, các bãi tập kết, mua bán khoáng sản nhằm phát hiện và xử lý kịp thời tình trạng sản xuất, kinh doanh khoáng sản trái phép.

- Tổ chức thực hiện các chương trình, dự án về tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm nguyên - nhiên liệu, giảm phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực công nghiệp góp phần nâng cao năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Phối hợp với UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát, đôn đốc chủ đầu tư các cụm công nghiệp, các cơ sở sản xuất đang hoạt động trong các cụm công nghiệp phải hoàn thiện các thủ tục pháp lý về môi trường theo quy định. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan hỗ trợ, khuyến khích các cơ sở, doanh nghiệp đưa các sản phẩm truyền thống của địa phương được sản xuất từ các vật liệu thân thiện với môi trường

4. Sở Xây dựng

- Triển khai chức năng, nhiệm vụ được giao trong việc tham mưu, giúp UBND tỉnh lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý thực hiện chương trình, kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng thông thường, bao gồm cả phương án thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản này trong quy hoạch tỉnh, quản lý nhà nước về xây dựng và liên quan đến vật liệu xây dựng, đảm bảo khai thác hiệu quả và bền vững.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác khoáng sản, chế biến khoáng làm vật liệu xây dựng và vật liệu xây dựng thông thường, khoáng sản làm xi măng theo quy định của Luật Xây dựng; hướng dẫn, kiểm tra các quy định về an toàn, vệ sinh lao động; kiểm tra việc thực hiện thiết kế trong khai thác mỏ và chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng, nguyên liệu sản xuất xi măng trên địa bàn tỉnh.

- Theo dõi, tổng hợp tình hình đầu tư khai thác, chế biến khoáng làm vật liệu xây dựng và vật liệu xây dựng thông thường, khoáng sản làm xi măng, tình hình sản xuất vật liệu xây dựng của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn;

- Nghiên cứu, đề xuất xây dựng hệ thống thu gom, nhà máy xử lý nước thải tập trung tại các khu vực trọng điểm như khu vực thành phố Yên Bái (*cũ*), thị xã Nghĩa Lộ (*cũ*), khu vực phường Cam Đường...

- Lồng ghép quy hoạch xây dựng với các mục tiêu quốc gia về chống biến đổi khí hậu, đô thị tăng trưởng xanh, đô thị thông minh; sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả,... tạo điều kiện để quy hoạch xây dựng có tính chất đa mục tiêu, huy động các nguồn lực, thành phần tham gia thực hiện quy hoạch xây dựng.

5. Sở Y tế

- Chỉ đạo và hướng dẫn các cơ sở y tế trong việc thực hiện các quy định về quản lý chất thải y tế, lập kế hoạch quản lý chất thải y tế, rà soát, hoàn thiện đầy đủ thực tục pháp lý về môi trường theo quy định.

- Đánh giá thực trạng hệ thống xử lý nước thải y tế. Trường hợp chưa có hệ thống xử lý nước thải y tế hoặc hệ thống đã quá tải, xuống cấp, phải lập phương án khắc phục và báo cáo nhu cầu kinh phí để đầu tư mới hoặc cải tạo, nâng cấp đảm bảo việc xử lý nước thải y tế đạt Quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải.

- Tăng cường quản lý, quan trắc, giám sát vận hành công trình/hệ thống xử lý nước thải y tế, công trình/thiết bị xử lý chất thải rắn y tế và nước thải y tế, chất thải y tế sau xử lý theo quy định.

- Thường xuyên tự kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường tại đơn vị, kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

6. Ban Quản lý Khu kinh tế, Ban Quản lý các Khu công nghiệp

- Rà soát, đôn đốc, hướng dẫn các dự án, cơ sở trong khu công nghiệp, khu kinh tế hoàn thiện các thủ tục pháp lý về môi trường. Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các dự án, cơ sở trong khu công nghiệp, khu kinh tế trong đó tập trung vào các điểm nóng, các doanh nghiệp có ngành nghề nhạy cảm về môi trường, các dự án/cơ sở có nguồn thải, công suất xả thải lớn, có nguy cơ gây ô nhiễm cao; phát hiện kịp thời vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường của tổ chức, cá nhân và kiến nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

- Huy động các nguồn lực từng bước đầu tư xây dựng hoàn thiện, đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường tại khu công nghiệp, khu kinh tế.

- Ban Quản lý khu kinh tế chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và chính quyền địa phương trong việc triển khai thực hiện Đề án chuyển đổi KCN Tăng Loong sang mô hình KCN sinh thái; Thường xuyên tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện; kịp thời đề xuất các khó khăn, vướng mắc để được chỉ đạo giải quyết.

- Ban Quản lý các Khu công nghiệp chủ trì kiểm tra, giám sát việc đầu tư xây dựng hạ tầng bảo vệ môi trường của các khu công nghiệp theo quy định.

7. Thuế tỉnh Lào Cai: Phối hợp cung cấp thông tin số thu ngân sách từ lĩnh vực đất đai, khoáng sản, tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh định kỳ theo tháng, quý, năm để hoàn thiện các báo cáo định kỳ tình hình thực hiện các mục tiêu của Đề án.

8. Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan

- Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch này và chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, các sở, ban, ngành, UBND các phường, xã và các đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch và chỉ đạo, tổ chức thực hiện có hiệu quả; kịp thời xây dựng hoặc lồng ghép điều chỉnh việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch này trong các quy hoạch, kế hoạch ngành và chương trình công tác, kế hoạch, giải pháp của đơn vị, địa phương phù hợp với thực tế và đảm bảo thực hiện hiệu quả.

- Ưu tiên bố trí nguồn lực và chủ động triển khai thực hiện các nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch, bảo đảm tiến độ và chất lượng.

- Đề xuất, tổ chức triển khai các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số trong các lĩnh vực chuyên môn thuộc chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

- rà soát, củng cố tổ chức bộ máy quản lý nhà nước; Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, trình độ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

(Chi tiết tại phụ biểu 04 kèm theo)

VII. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. Hằng năm:

- Các sở, ban, ngành; các xã, phường; các cơ quan, đơn vị liên quan tiến hành đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh **trước ngày 10 của các tháng cuối quý (tháng 3, tháng 6, tháng 9 và tháng 12).**

- Sở Nông nghiệp và Môi trường dự thảo báo cáo kết quả thực hiện gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh **trước ngày 15 của các tháng cuối quý (tháng 3, tháng 6, tháng 9 và tháng 12).**

2. Trong nhiệm kỳ 2025 - 2030:

- Các sở, ban, ngành, địa phương; các cơ quan, đơn vị liên quan tiến hành đánh giá, báo cáo: (1) Báo cáo sơ kết 3 năm thực hiện Đề án gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp **trước ngày 30/10/2028** để báo cáo UBND tỉnh; (2) Báo cáo tổng kết thực hiện Đề án gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp **trước ngày 30/7/2030** để báo cáo UBND tỉnh.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường: (1) Dự thảo báo cáo sơ kết 3 năm thực hiện Đề án gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh **trước ngày 05/11/2028**; (2) Dự thảo báo cáo tổng kết thực hiện Đề án gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh **trước ngày 05/8/2030**.

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh cần sửa đổi, bổ sung kế hoạch, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các xã, phường chủ động gửi ý kiến về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, tham mưu, giải quyết kịp thời./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Tỉnh ủy Lào Cai;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Báo và Phát thanh, truyền hình tỉnh;
- Đảng ủy và UBND các xã, phường;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH (Thắng, Quang Anh), TNMT (Oanh, Quyết).

**T/M ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thành Sinh